**BẢN ĐẶC TẢ CỦA MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung**  **kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | - Phương trình dạng ax+b=0, phương trình tích và phương trình chứa ẩn ở mẫu. | - Giải phương trình dạng cơ bản ax+b=0, phương trình tích,phương pháp chứa ẩn ở mẫu | - Về kỹ năng: Vận dụng được các phương pháp giải phương trình bậc nhất một ẩn: Phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu.  - Về kiến thức: Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu. | 2,5 | 1 |  |  |
| **2** | bấtphương trình và biểu diễn tập nghiệm trên trục số | Giải bất phương trình và biểu diễn tập nghiệm trên trục số | - Về kỹ năng: Vận dụng được các phương pháp giải bất phương trình bậc nhất một ẩn và biểu diễn trên trục số  - Về kiến thức: Hiểu khái niệm bất phương trình bậc nhất một ẩn và biểu diễn trên trục số |  | 1 |  |  |
| **3** | Giải bài toán bằng cách lập phương trình | - Giải bài toán bằng cách lập phương trình  - Giải phương trình bằng phương pháp đưa về dạng ax+b=0 | - Về kỹ năng: Biết cách chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải phương trình bậc nhất một ẩn  - Vận dụng được các bước giải toán bằng cách lập phương trình bậc nhất một ẩn. |  | 1 |  |  |
| **4** | Bài toán thực tế tính diện tích, tiền lát gạch | Giải bài toán tính diện tích,tính tiền | - Về kỹ năng: Biết cách chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải lập luận thực tiễn vấn đề  - Vận dụng được vào thực tế để tính toán suy luận |  |  | 1 |  |
| **5** | Bài toán thực tế Cho hình vẽ sử dụng định lý Talet | Vận dụng định lý Talet áp dụng công thức để giải | - Về kỹ năng: Vận dụng được các công thức định lý Talet giải tìm tẩn  - Về kiến thức: Hiểu định lý Talet và nắm được công thức định lý Talet | 1 |  |  |  |
| **6** | Tam giác đồng dạng | - Hai tam giác đồng dạng  -Hệ thức | Về kiến thức: Hiểu được định nghĩa hai tam giác đồng dạng. Hiểu được định lí về các trường hợp đồng dạng của hai tam giác.  Về kỹ năng: Vận dụng được các trường hợp đồng dạng để giải toán.  Vận dụng: Biết ứng dụng tam giác đồng dạng để chưng minh hệ thức.  Về kiến thức: Hiểu cách chứng minh các hệ thức.  Về kỹ năng: Vận dụng các hệ thức đó để giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế. | 0,75 |  | 0,75 | 1 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II TOÁN 8**

**NĂM HỌC: 2022-2023**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tổng cộng** |
| *Cấp độ thấp* | *Cấp độ cao* |
| ***1)*** **Giải các phương trình** | *Phương trình dạng ax+b=0* Phương trình biến đổi đưa về ax+b=0*,phương trình tích,* | *phương trình chứa ẩn ở mẫu* | |  |  |  |
| ***Số câu*** | 3 | 1 | |  |  | 4 |
| ***Số điểm*** | 2,5 | 1 | |  |  | 3,5 |
| **2)** **Giải bất phương trình sau và biểu diễn tập nghiệm trên trục số** |  | *Giải bất phương trình và biểu diễn tập nghiệm trên trục số* | |  |  |  |
| **Số câu** |  | 1 | |  |  | 1 |
| **Số điểm** |  | 1 | |  |  | 1 |
| ***3)Bài toán thực tế*** |  | Bài toán chuyển động | |  |  |  |
| ***Số câu*** |  | 1 | |  |  | 1 |
| ***Số điểm*** |  | 1 | |  |  | 1 |
| ***4)Bài toán thực tế*** |  |  | | Ứng dụng thực tế tính diện tích,tính giá tiền |  |  |
| ***Số câu*** |  |  | | 1 |  | 1 |
| ***Số điểm*** |  |  | | 1 |  | 1 |
| ***5)Bài toán thực tế*** | Cho hình vẽ áp dụng định lý Talet vào thực tế |  | |  |  |  |
| ***Số câu*** | 1 |  | |  |  | 1 |
| ***Số điểm*** | 1 |  | |  |  | 1 |
| ***6)Hình học*** | Chứng minh tam giác đồng dạng, |  | | Chứng minh tỉ lệ thức | Chứng minh hệ thức |  |
| ***Số câu*** | 1 |  | | 1 | 1 | 3 |
| ***Số điểm*** | 0,75 |  | | 0,75 | 1 | 2,5 |
| ***Tổng số câu*** | **5** | **3** | | **2** | **1** | **11** |
| ***Tổng số điểm*** | **4,25** | **3** | | **1,75** | **1** | **10** |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI  **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  **TÂN PHÚ TRUNG** | | | | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **KHỐI 8 – MÔN TOÁN**  **Thời gian làm bài: 90 phút**  *(không kể thời gian giao đề)* | | | | |

**Bài 1: (3,5 điểm) Giải các phương trình sau :**

1. 2x – 5 = 1
2. 5x – 3 = 3x + 7
3. 2x(x – 7) – 6(x – 7)= 0
4. – =

**Bài 2: (1 điểm)** Giải bất phương trình sau và biểu diễn tập nghiệm trên trục số



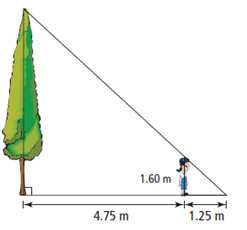
**Bài 3: (1 điểm)** Một xe ô tô đi từ A đến B với vận tốc 60km/giờ, rồi quay về A với vận tốc 50km/giờ . Biết cả đi và về mất thời gian là 11 giờ. Tính chiều dài quãng đường AB?

**Bài 4: (1 điểm)** Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài , chiều rộng . Người ta lát nền nhà bằng những viên gạch hình vuông có cạnh bằng . Mỗi viên gạch giá 65 000 đồng.

 Hãy tính diện tích nền nhà.

 Tính số tiền mua gạch để lát cả nền nhà đó. Biết diện tích phần gạch vữa giữa các viên gạch không đáng kể.

**Bài 5: (1 điểm)** Một người cao 1,75m đứng cách một gốc cây 4,5m. Bóng của người đó dài 1,5m và trùng với bóng của cây (Hình vẽ dưới ).Hỏi cây cao bao nhiêu mét ?



4,5m

1,5m

C

B

N

M

A

1,75m

**Bài 6: (2,5 điểm)** Cho ∆ABC có ba góc nhọn (AB <AC), kẻ đường cao AH, kẻ HD vuông góc AB, HE vuông góc AC

a./ Chứng minh: AHD ~ ∆ABH

b./ Chứng minh: 

c./ Gọi là trung điểm . Điểm là chân đường vuông góc hạ từ đến  Chứng minh: 

**---Hết---**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II. NĂM HỌC 2022.2023**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **HƯỚNG DẪN CHẤM** | **BIỂU ĐIỂM** |
| **Bài 1**  **(3,5đ)** | 1. x=3 2. 𝑥=5 | 0.75đ  0.75đ  1đ  1đ |
| **Bài 2**  **(1đ)** | Biểu diễn đúng tập nghiệm | 0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ |
| **Bài 3**  **(1đ)** | * Lập được phương trình * Giải suy ra x = 300 km | 0,5đ  0,5đ |
| **Bài 4**  **(1đ)** | Diện tích nền nhà:  Diện tích viên gạch:  Số tiền mua gạch để lát nền nhà:  đồng | 0,5đ  0.25đ  0.25đ |
| **Bài 5**  **(1đ)** | - Ta có: MN // BC (gt)  - Áp dụng hệ quả định lí Ta-lét:  =>  => BC = 7m  Vậy chiều cao của cây là 7m. | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **Bài 6**  **(2,5đ)** | **a./ Xét AHD và ∆ABH, có**  chung  = = 900  🡪 AHD ~ ∆ABH (g – g)  **b./ C/m: AHE và ∆ACH**   * = => AH2 = AC . AE (1)   Có AHD ~ ∆ABH (cmt)   * = => AH2 = AB . AD (2)   Từ (1) và (2) => AB . AD = AC . AE  **c/ Ta có:**  (định lý Pytago)    Từ (1), (2) ta có đpcm | **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ** |
|  |  |  |

**Lưu ý: học sinh làm cách khác đúng vẫn trọn điểm.**